

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 72/2014/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2014

THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT
ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đối với lãnh đạo, nhân viên
Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ**

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đối với lãnh đạo, nhân viên Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây được gọi tắt là Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT**1. Sửa đổi Điều 6 như sau:****“Điều 6. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng kiểm viên xe cơ giới**

1. Trình độ chuyên môn: tốt nghiệp đại học chuyên ngành đào tạo Công nghệ kỹ thuật ô tô hoặc ngành đào tạo Kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, trong chương trình đào tạo (hoặc đào tạo bổ sung các tín chỉ tại các trường đại học) phải có các nội dung sau: lý thuyết ô tô, cấu tạo ô tô, kết cấu tính toán ô tô, bảo dưỡng kỹ thuật ô tô, động cơ đốt trong và điện ô tô.

2. Trình độ tiếng Anh: tối thiểu trình độ A hoặc tương đương.

3. Tham gia lớp Tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm xe cơ giới do Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức và được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành lớp Tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm xe cơ giới.

4. Kinh nghiệm công tác: có tối thiểu 02 năm làm việc trực tiếp theo ngành nghề đào tạo quy định tại khoản 1 Điều này tại các cơ sở sửa chữa, bảo dưỡng, sản xuất, lắp ráp ô tô (có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật) hoặc có tối thiểu 06 tháng tập sự tại Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới.

5. Được Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam công nhận, cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.”

2. Sửa đổi Điều 7 như sau:

“Điều 7. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao

1. Là đăng kiểm viên xe cơ giới có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm.
2. Trình độ tiếng Anh: tối thiểu trình độ B hoặc tương đương; đọc, hiểu và dịch được các thông số kỹ thuật cơ bản của ô tô bằng ngôn ngữ tiếng Anh.
3. Tham gia lớp Tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm xe cơ giới bậc cao do Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức và được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành lớp Tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm xe cơ giới bậc cao.
4. Được Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam công nhận, cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.”

3. Sửa đổi Điều 9 như sau:

“Điều 9. Tiêu chuẩn, điều kiện lãnh đạo Trung tâm đăng kiểm

1. Kinh nghiệm thực tế: có thời gian làm đăng kiểm viên xe cơ giới tối thiểu là 03 năm.
2. Được thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bổ nhiệm theo quy định.”

4. Sửa đổi Điều 20 như sau:

“Điều 20. Công nhận đăng kiểm viên

1. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam công nhận, cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Giấy chứng nhận đăng kiểm viên có thời hạn 03 năm.
3. Trong thời hạn 30 ngày trước khi Giấy chứng nhận đăng kiểm viên hết hạn, Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức đánh giá định kỳ để cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên. Kết quả đánh giá ghi vào Phiếu đánh giá đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.
4. Đăng kiểm viên xe cơ giới được cấp lại Giấy chứng nhận khi kết quả đánh giá định kỳ đạt tối thiểu 3/5 công đoạn. Đăng kiểm viên bậc cao được cấp lại Giấy chứng nhận khi kết quả đánh giá định kỳ đạt 5/5 công đoạn. Trường hợp kết quả đánh giá định kỳ không đạt yêu cầu thì đăng kiểm viên được đánh giá lại 01 lần trong khoảng thời gian 03 tháng kể từ ngày đánh giá định kỳ.

5. Đăng kiểm viên đủ điều kiện cấp lại Giấy chứng nhận, muốn đánh giá bổ sung công đoạn sẽ được đánh giá để cấp lại Giấy chứng nhận sau thời gian 03 tháng.

6. Trình tự thủ tục công nhận và cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên được thực hiện như cấp lần đầu.”

5. Sửa đổi Điều 21 như sau:

“Điều 21. Thủ tục đề nghị công nhận, cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên

1. Hồ sơ cấp lần đầu đối với đăng kiểm viên xe cơ giới bao gồm:

a) Đơn đề nghị của cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 hoặc văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên của cơ quan, tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Lý lịch chuyên môn theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp đại học theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư này kèm theo bảng điểm các môn học;

d) Bản sao Giấy chứng nhận hoàn thành lớp Tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm xe cơ giới;

đ) Bản sao có chứng thực chứng chỉ tiếng Anh (còn hiệu lực);

e) Ảnh màu (file ảnh mềm, chụp trong vòng 06 tháng).

2. Hồ sơ cấp lần đầu đối với đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao bao gồm:

a) Đơn đề nghị của cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 hoặc văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên của cơ quan, tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Lý lịch chuyên môn theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này (nếu có bổ sung);

c) Bản sao Giấy chứng nhận hoàn thành lớp Tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm xe cơ giới bậc cao;

d) Bản sao có chứng thực chứng chỉ tiếng Anh (còn hiệu lực);

đ) Ảnh màu (file ảnh mềm, chụp trong vòng 06 tháng).

3. Hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên bao gồm:

a) Đơn đề nghị của cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 hoặc văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên của cơ quan, tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Phiếu đánh giá đăng kiểm viên;

c) Ảnh màu (file ảnh mềm, chụp trong vòng 06 tháng).”

6. Sửa đổi Điều 22 như sau:**“Điều 22. Trình tự công nhận và cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên**

1. Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Điều 21 của Thông tư này và nộp 01 bộ hồ sơ đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

2. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ (đối với trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác).

3. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành đánh giá hồ sơ. Nếu hồ sơ đạt thì quyết định công nhận, cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên sau 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp không đạt, sau 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả đánh giá hồ sơ, Cục Đăng kiểm Việt Nam có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác.”

7. Bỏ cụm từ “Thẻ đăng kiểm viên” tại Điều 23 của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT.**Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015.

2. Bãi bỏ Phụ lục 4 của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT; thay thế các Phụ lục 3, 5, 6 của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT bằng Phụ lục 1, 3, 4 tương ứng ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đối với đăng kiểm viên đã được cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT, Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm xây dựng lộ trình đánh giá để cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên theo quy định của Thông tư này và hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2017.

4. Giấy chứng nhận đăng kiểm viên đã được cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT còn thời hạn thì vẫn có giá trị sử dụng đến thời điểm được cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên theo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Đinh La Thăng

Phụ lục 1: Mẫu Giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới/bậc cao
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT ngày 12/12/2014
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKVN-VAR

Hà Nội, ngày tháng năm 20.....

GIẤY CHỨNG NHẬN
CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Ông (Bà):.....

Ngày sinh:.....

Đơn vị công tác:.....

Được công nhận là: Đăng kiểm viên xe cơ giới/bậc cao

Mã số đăng kiểm viên:.....

Được thực hiện công việc:

CĐ 1	CĐ 2	CĐ 3	CĐ 4	CĐ 5

.....
.....
.....

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến:...../...../.....

CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)